VIETNAM 1:50,000

EDITION 2-AMS(29 ETB)
PHÁT-HÀNH LẦN THỨ 2-AMS(29 ETB)

AN LỘC

SHEET 6332 III
SERIES L7014

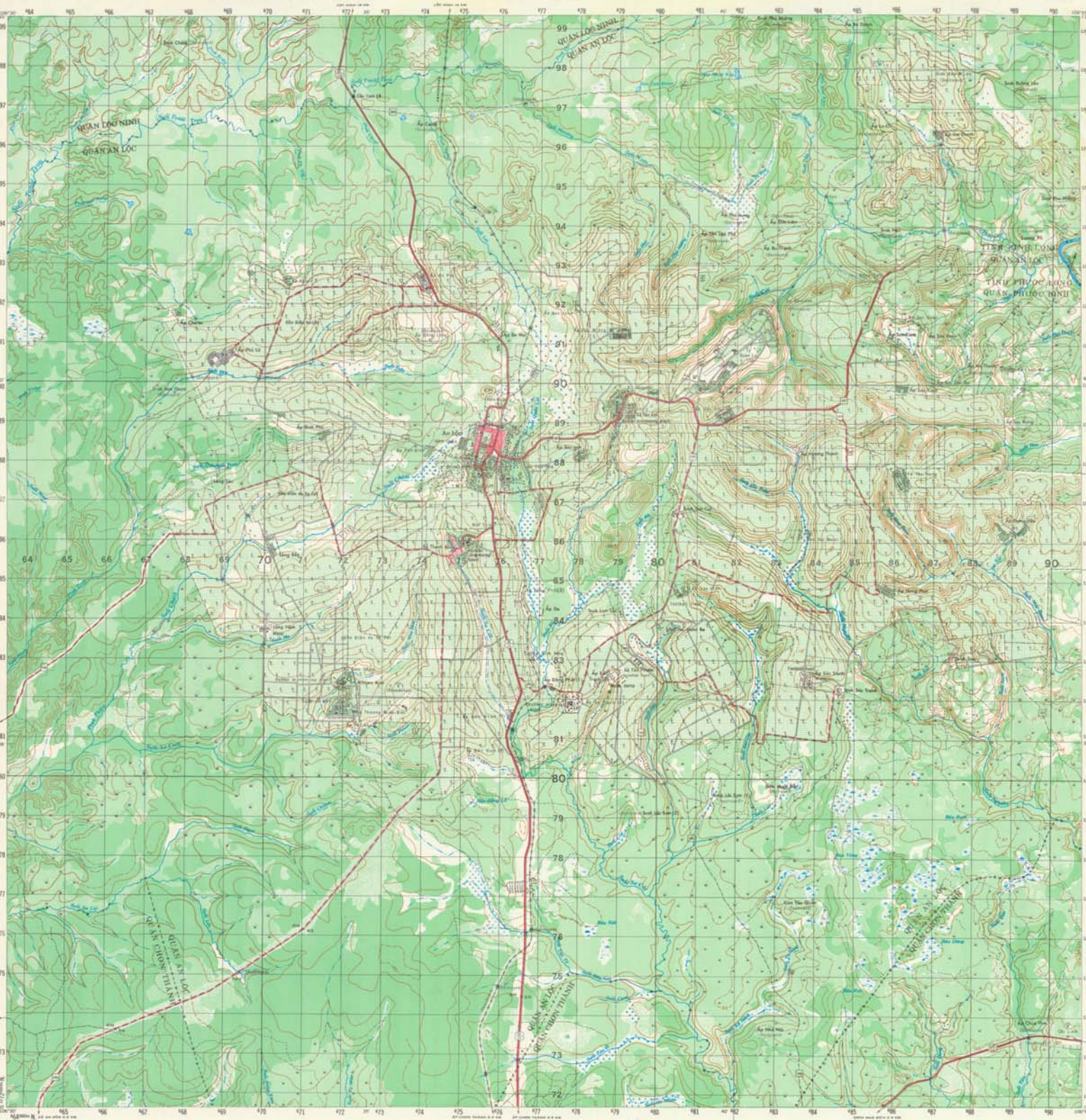

NHÀ ĐỊA DƯ – QUÂN GIẢI PHÓNG
NHÂN DÂN MIỀN NAM VIỆT-NAM
In lần thứ nhất — 5-1975

LEGEND — CHÚ TỪ
MAP INFORMATION AS OF 1967
SÁO ĐỒ TÌN TỨC NĂM 1967

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES
MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

Scale Tỷ-lệ 1:50,000

CONTOUR INTERVAL — 10 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS — 5 METERS

SPHEROID EVEREST
GRID 1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM INDIAN DATUM 1960

CREDITS
PREPARED BY 25TH CHOR BN. US ARMY 1966
COMPILATION METHOD PHOTO REVISION OF 1 TO 5 MAPS
NAMES DATA BY NGS, VIETNAM
CONTROL BY USAMSFC, NGS, VIETNAM

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
ĐÀNH GIỚI HÀNH CHÁNH TRÊN ĐÂN ĐỒ SẮT CHỈ PHÁC HỌA VỚI TỈNH CÁCH ĐẠI CƯƠNG

GLOSSARY — CỔ TỪ

An, Ấp	village
Đầu, Đầu	point, hamlet
Cầu	bridge
Đa	stream
Đồn Điền	plantation
Đồng	soil
Làng	village
Nhà Thương	hospital
Phum	village
Prek	stream
Sân Bay	airfield
Sông	river
Trà	village
Suối	stream
Xa, Xã, Xóm	village

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ 10 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TÙNG 5 MÉT

ELEVATION GUIDE
CHỈ ĐẦN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
KHOẢNG ĐỊA GIỚI

ADJOINING SHEETS
BẢNG KẾ ĐỊA ĐỒ

AN LỘC (HỚN QUẢN), VIETNAM